

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-ST

Ngày 19 - 4 - 2023

V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1/ Ông Đoàn Minh T1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Mộng N, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thúy A, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2022, biên bản hòa giải ngày 06/02/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Anh T trình bày: Vào ngày 15/9/2022, do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Nguyễn Mộng N vay số tiền 100 triệu đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 300.000 đồng/ngày; Tiếp theo ngày 16/9/2022, bà N hỏi vay thêm 100 triệu đồng, lãi suất cũng theo thỏa thuận 300.000 đồng/ngày. Thời hạn vay 17 ngày nhưng không có làm văn bản. Do bà không có tiền mặt nên

nhờ người em ruột tên Nguyễn Thúy A chuyển khoản qua số tài khoản 7504205336659 của bà Nguyễn Mộng N tại ngân hàng A1. Bà A chuyển hai lần số tiền 200 triệu đồng vào các ngày 15/9/2022 và 16/9/2022. Từ khi vay đến nay phía bà N không có đóng lãi, cũng không có trả vốn, bà có liên hệ đòi nhiều lần nhưng bà N lánh mặt không trả.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Mộng N và ông Đoàn Minh T1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 206.664.000 đồng. Trong đó vốn 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước bằng 1,66%/tháng, tính lãi 02 tháng bằng 6.664.000 đồng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 06/02/2023 ông Đoàn Minh T1 trình bày:* Tại phiên hòa giải ông có liên hệ với bà Nguyễn Mộng N qua điện thoại, do bà N hiện nay đang ở huyện T không về. Qua trao đổi điện thoại thì bà N xác định có nợ khoản tiền vay 200 triệu đồng của bà T đúng như bà T khởi kiện. Ông T1 xác định khoản nợ này vợ ông vay của bà T sử dụng vào mục đích gì ông không biết nhưng do ông với bà N hiện là vợ chồng nên ông đồng ý cùng với bà N có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho bà T.

- *Tại biên bản làm việc ngày 03/3/2023, bà Nguyễn Mộng N trình bày:* Bà xác định có vay số tiền 200 triệu đồng nhưng không có làm biên nhận chỉ thực hiện chuyển khoản qua số tài khoản của bà số G tại ngân hàng A1 từ tài khoản của chị Nguyễn Thúy A. Lãi suất thỏa thuận 300.000 đồng/ngày/100 triệu đồng. Từ khi vay đến nay bà chưa đóng lãi cũng chưa trả vốn cho bà T đúng như bà T khởi kiện. Nay bà đồng ý trả khoản tiền mà bà T yêu cầu 206.664.000 đồng

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Phát biểu về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền 206.664.000 đồng. Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Do bị đơn ông Đoàn Minh T1 và bà Nguyễn Mộng N có nơi cư trú tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền vay, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời có đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thúy A vào tham gia tố tụng. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26/8/2020, chị A thống nhất cho chị Nguyễn Anh T đứng ra khởi kiện nên chị xin từ chối tham gia phiên tòa nên Tòa án không triệu tập đối với chị Nguyễn Thúy A.

Bị đơn bà Nguyễn Mộng N xin vắng mặt, ông Đoàn Minh T1 vắng mặt, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo nguyên đơn trình bày, vào ngày 15/9/2022 và 16/9/2022, nguyên đơn có cho bà Nguyễn Mộng N vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 300.000 đồng/ngày/100 triệu đồng. Thời hạn vay 17 ngày. Số tiền trên đã được chuyển khoản qua số tài khoản 7504205336659 của Nguyễn Mộng N tại ngân hàng A1. Từ khi vay tiền đến nay bà N không có trả vốn và lãi.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Mộng N và ông Đoàn Minh T1 trả cho nguyên đơn số tiền vốn 200.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất quy định của nhà nước bằng 1,66%/tháng, tính lãi 02 tháng = 6.664.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án giấy chuyển tiền vào ngày 15/9/2022 và ngày 16/9/2022, sao kê tài khoản vào ngày 16/12/2022.

Xét, giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Mộng N là thực tế và bà Nguyễn Mộng N thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 03/3/2023 và đồng ý trả. Ông Đoàn Minh T1 xác định hiện ông với bà Nguyễn Mộng N vẫn còn mối quan hệ vợ chồng nên cũng có trách nhiệm trả số tiền trên cho nguyên đơn theo biên bản hòa giải ngày 16/02/2023 nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của bị đơn là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Mộng N và ông Đoàn Minh T1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với tổng số tiền buộc trả cho nguyên đơn; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Mộng N và ông Đoàn Minh T1 trả cho bà Nguyễn Anh T số tiền 206.664.000 đồng (*Hai trăm lẻ sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Mộng N và ông Đoàn Minh T1 không thi hành xong khoản tiền trên, bà Nguyễn Mộng N và ông Đoàn Minh T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Mộng N và ông Đoàn Minh T1 phải nộp số tiền 10.333.200 đồng (*Mười triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng*); Bà Nguyễn Anh T được nhận lại số tiền 5.167.000 đồng theo lai thu số 0006104 ngày 02/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

